

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN
NĂM 2007

PORTCOAST
CONSULTANT
CORPORATION

2007

Nội dung	Trang
	1
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	3 - 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	6
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	7 - 10
Kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 14
Thuyết minh báo cáo tài chính	15 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng – Kỹ thuật Biển (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình bày bản báo cáo này và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

1. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002981 ngày 23 tháng 12 năm 2004, thay đổi lần 01 ngày 09 tháng 6 năm 2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư (vốn điều lệ 7,66 tỷ đồng), thay đổi lần 2 ngày 09 tháng 03 năm 2006 (vốn điều lệ 25,5 tỷ đồng) và thay đổi lần 3 ngày 29 tháng 12 năm 2007 (vốn điều lệ 51 tỷ đồng).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 92 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh phía Bắc của Công ty đặt tại nhà số 21 Tập thể Bệnh Viện Nội Tiết, đường Láng Hạ - Thanh Xuân kéo dài, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

CÔNG TY ĐƯỢC THÀNH LẬP ĐỂ HOẠT ĐỘNG TRONG CÁC LÃNH VỰC SAU :

- Khảo sát và tư vấn công trình cảng – kỹ thuật biển, công trình thủy công trong xưởng đóng tàu.
- Khảo sát mạng lưới giao thông vận tải thủy.
- Khảo sát và tư vấn các hạng mục hạ tầng cơ sở liên quan đến các công trình cảng – kỹ thuật biển, công trình thủy công trong xưởng đóng tàu.
- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm định các công trình chuyên ngành.
- Xây dựng thực nghiệm các công trình giao thông vận tải.
- Thiết kế các công trình giao thông (cảng, đường thủy).
- Thiết kế các công trình thủy.
- Thiết kế các công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông).
- Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị.
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp.

2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM VÀ CHO ĐẾN THỜI ĐIỂM LẬP BÁO CÁO NÀY BAO GỒM :

Ông	Trần Tấn Phúc	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Văn Lộc	Phó Chủ tịch
Ông	Dương Mạnh Trung	Ủy viên
Ông	Phạm Duy Đông	Ủy viên
Bà	Nguyễn Thị Tâm Trinh	Ủy viên

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM VÀ CHO ĐẾN THỜI ĐIỂM LẬP BÁO CÁO NÀY BAO GỒM:

Ông	Trần Tấn Phúc	Tổng Giám Đốc
Ông	Dương Mạnh Trung	Phó Tổng Giám Đốc
Ông	Nguyễn Mạnh Ứng	Phó Tổng Giám Đốc
Ông	Trương Ngọc Tường	Kỹ Sư Trưởng
Bà	Nguyễn Thị Tâm Trinh	Giám Đốc Tài Chính - Nhân Sự
Ông	Phạm Duy Đông	Giám Đốc Kỹ Thuật
Ông	Phạm Anh Tuấn	Giám Đốc Dự Án

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

6. CAM KẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty được lập đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007, phù hợp với Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Hội đồng quản trị đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu sau trong việc lập Báo cáo tài chính này:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân thủ theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán đã được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống kế toán đã được đăng ký.

Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

7. KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Kế toán (AFC) được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007.

TP. Hồ Chí Minh, 15 Tháng 01 năm 2008

CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Tấn Phúc



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN (AFC)

Văn Phòng Tp. Hồ Chí Minh
Cao ốc Indochine Park Tower
4 Nguyễn Đình Chiểu, Lầu 2,
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
ĐT: (08) 220 0237
Fax: (08) 220 0265
Email: bdoafc.hcmc@bdoafc.vn

Số : 180/2007 - BCKT

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2008

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi : Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng – Kỹ thuật Biển

Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài Chính Kế Toán (AFC) đã kiểm toán Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2007 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng - Kỹ thuật Biển (dưới đây gọi tắt là Công ty). Các bản Báo cáo tài chính đính kèm theo bản báo cáo này do Ban giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm và lập theo chế độ kế toán Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về các bản Báo cáo tài chính nêu trên căn cứ vào công việc kiểm toán mà chúng tôi đã thực hiện.

Chúng tôi tiến hành kiểm toán căn cứ vào chế độ kế toán mà Công ty áp dụng, và căn cứ vào các quy định về tài chính kế toán của Nhà nước Việt Nam.

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và chuẩn mực kiểm toán quốc tế được chấp thuận tại Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các Báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở trắc nghiệm, chúng tôi đã xem xét một số bằng chứng là căn cứ cho các số liệu chi tiết trong bản Báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán đã được sử dụng, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện; cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Tuy nhiên, ý kiến của chúng tôi bị hạn chế bởi những vấn đề sau :

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2007, Công ty có các khoản công nợ với Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải phía Nam (Tedi South) 7.784.782.668 là số tạm tính. Vì vậy, nếu có sự thay đổi nào về các khoản công nợ này thì có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty.

Theo chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính vì giới hạn nêu trên (nếu có), trong phạm vi sổ sách kế toán do Công ty cung cấp, xét trên phương diện trọng yếu thì các bản Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng - Kỹ thuật Biển kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 như nêu trên đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2007, Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và được trình bày phù hợp với Chế độ kế toán Việt Nam.

KIỂM TOÁN VIÊN

Đặng Thị Mỹ Vân

Chứng chỉ KTV số 0173/KTV

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Hồng Tân

Chứng chỉ KTV số 0489/KTV



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN (AFC)

Văn Phòng Tp. Hồ Chí Minh
Cao ốc Indochine Park Tower
4 Nguyễn Đình Chiểu, Lầu 2,
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
ĐT: (08) 220 0237
Fax: (08) 220 0265
Email: bdoafc.hcmc@bdoafc.vn

Số : 180/2007 - BCKT

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2008

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi : Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng – Kỹ thuật Biển

Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài Chính Kế Toán (AFC) đã kiểm toán Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2007 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng - Kỹ thuật Biển (dưới đây gọi tắt là Công ty). Các bản Báo cáo tài chính đính kèm theo bản báo cáo này do Ban giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm và lập theo chế độ kế toán Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về các bản Báo cáo tài chính nêu trên căn cứ vào công việc kiểm toán mà chúng tôi đã thực hiện.

Chúng tôi tiến hành kiểm toán căn cứ vào chế độ kế toán mà Công ty áp dụng, và căn cứ vào các quy định về tài chính kế toán của Nhà nước Việt Nam.

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và chuẩn mực kiểm toán quốc tế được chấp thuận tại Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các Báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở trắc nghiệm, chúng tôi đã xem xét một số bằng chứng là căn cứ cho các số liệu chi tiết trong bản Báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán đã được sử dụng, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện; cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Tuy nhiên, ý kiến của chúng tôi bị hạn chế bởi những vấn đề sau :

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2007, Công ty có các khoản công nợ với Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải phía Nam (Tedi South) 7.784.782.668 là số tạm tính. Vì vậy, nếu có sự thay đổi nào về các khoản công nợ này thì có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty.

Theo chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính vì giới hạn nêu trên (nếu có), trong phạm vi sổ sách kế toán do Công ty cung cấp, xét trên phương diện trọng yếu thì các bản Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng - Kỹ thuật Biển kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 như nêu trên đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2007, Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và được trình bày phù hợp với Chế độ kế toán Việt Nam.

KIỂM TOÁN VIÊN

Đặng Thị Mỹ Vân

Chứng chỉ KTV số 0173/KTV

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Hồng Tân

Chứng chỉ KTV số 0489/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Mẫu số B 01 - DN

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Tài Sản	Mã số	Ghi chú	31/12/2007	31/12/2006
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		102.963.174.889	37.142.019.632
I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	110	V . 1	4.081.954.989	5.278.476.602
1. Tiền	111		4.081.954.989	5.278.476.602
2. Các khoản tương đương tiền	112			-
II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	120	V . 2	55.159.250.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		55.159.250.000	-
2. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	130	V . 3	21.548.160.243	2.610.651.533
1. Phải thu khách hàng	131		3.261.579.446	283.309.874
2. Trả trước cho người bán	132		2.802.604.225	1.894.452.599
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		15.483.976.572	432.889.060
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. HÀNG TỒN KHO	140	V . 4	12.509.583.718	19.524.590.819
1. Hàng tồn kho	141		12.509.583.718	19.524.590.819
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	150	V . 5	9.664.225.939	9.728.300.678
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		206.891.882	258.653.855
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		166.503.647	82.652.402
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		9.290.830.410	9.386.994.421

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Mẫu số B 01 - DN

Tài Sản	Mã số	Ghi chú	31/12/2007	31/12/2006
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		42.369.682.006	39.100.576.409
I. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN	210	V . 6	7.056.110.180	7.056.110.180
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		7.056.110.180	7.056.110.180
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	220		29.943.387.608	27.882.167.241
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V . 7	12.242.991.913	10.215.289.536
- Nguyên giá	222		20.406.257.645	15.570.198.645
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.163.265.732)	(5.354.909.109)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V . 8	4.432.685.695	4.427.577.705
- Nguyên giá	228		4.948.181.287	4.639.291.287
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(524.495.592)	(211.713.582)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V . 9	13.276.710.000	13.239.300.000
III. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	250	V . 10	4.911.999.000	3.700.707.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.466.292.000	255.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		3.445.707.000	3.445.707.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	260	V . 11	458.185.218	461.591.988
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		458.185.218	461.591.988
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		145.332.856.895	76.242.596.041

Nguồn Vốn	Mã số	Ghi chú	31/12/2007	31/12/2006
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		80.349.907.261	47.390.288.349
I. NỢ NGẮN HẠN	310		72.370.214.749	40.054.326.349
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V . 12	-	8.000.000.000
2. Phải trả người bán	312	V . 13	588.120.759	718.805.710
3. Người mua trả tiền trước	313	V . 13	54.504.885.098	25.973.808.137
4. Thuế và các khoản phải trả nhà nước	314	V . 14	14.224.557.257	2.430.971.797
5. Phải trả người lao động	315		1.007.753.432	771.685.697
6. Chi phí phải trả	316	V . 15	294.441.809	589.429.082
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V . 16	1.750.456.394	1.569.626.256
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. NỢ DÀI HẠN	330		7.979.692.512	7.335.961.670
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V . 17	7.784.782.668	7.335.961.670
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		194.909.844	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.982.949.634	28.852.307.692
I. VỐN CHỦ SỞ HỮU	410		59.631.832.364	28.472.307.692
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V . 18	51.000.000.000	25.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.310.000.000	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.510.000.000	160.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V . 18	4.811.832.364	2.812.307.692
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC	430		5.351.117.270	380.000.000
1. Quỹ khen thưởng phúc lợi	431		5.351.117.270	380.000.000
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		145.332.856.895	76.242.596.041

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Mẫu số B 01 - DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ Tiêu	Ghi chú	31/12/2007	31/12/2006
1. Tài sản thuê ngoài		-	
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	
5. Ngoại tệ các loại		155.426,21	152.567,84
USD			
EUR			
AUD			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2007

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH - NHÂN SỰ

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGÔ NGỌC THU NHAN

NGUYỄN THỊ TÂM TRINH

TRẦN TẤN PHÚC

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Mẫu số B 02 - DN

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Chỉ tiêu	Mã số	Ghi chú	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 1	115.055.134.256	34.891.637.430
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	624.249.883
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	VI. 1	115.055.134.256	34.267.387.547
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 2	52.856.897.970	18.736.352.633
5. Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		62.198.236.286	15.531.034.914
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI. 3	212.498.222	70.639.514
7. Chi phí tài chính	22		27.065.036	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.584.855.585	8.285.061.949
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		53.798.813.887	7.316.612.479
11. Thu nhập khác	31		299.000.000	8.098.800
12. Chi phí khác	32		317.736.362	123.442.191
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(18.736.362)	(115.343.391)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		53.780.077.525	7.201.269.088
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		7.529.210.854	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		46.250.866.671	7.201.269.088
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2007

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH - NHÂN SỰ

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÔ NGỌC THU NHAN

NGUYỄN THỊ TÂM TRINH



TRẦN TẤN PHÚC

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Mẫu số B 03 - DN

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	53.780.077.525	7.201.269.088
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	3.121.138.633	1.903.089.549
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(92.550.000)	(28.205.689)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	56.808.666.158	9.076.152.948
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	(4.096.790.944)	281.137.386
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	7.015.007.101	(10.356.159.095)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	33.258.605.491	1.696.985.079
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	55.168.743	4.632.269.747
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(588.362.432)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	250.244.511
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.928.882.730)	(115.343.391)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	90.523.411.387	5.465.287.185
II - LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.182.359.000)	(22.742.475.161)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	8.089.800
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(69.987.655.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.211.292.000)	(3.700.707.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	92.550.000	28.205.689
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	(76.288.756.000)	(26.406.877.672)
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	20.354.500.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	10.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.000.000.000)	(2.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.431.177.000)	(3.648.205.100)

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(15.431.177.000)	24.706.294.900
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(1.196.521.613)	3.764.704.413
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.278.476.602	1.513.772.189
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	4.081.954.989	5.278.476.602

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2007

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH - NHÂN SỰ

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGÔ NGỌC THU NHAN



NGUYỄN THỊ TÂM TRINH




TRẦN TẤN PHÚC

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Mẫu số B 03 - DN

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	151.381.381.162	39.374.115.195
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(30.877.215.526)	(22.294.653.713)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(16.365.852.686)	(12.249.854.990)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(37.410.000)	(565.500.000)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(588.362.432)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	12.625.658.858	9.081.237.914
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(25.614.787.989)	(7.880.048.221)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	90.523.411.387	5.465.296.185
II - LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.182.359.000)	(22.742.475.161)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	8.089.800
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(69.987.655.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.211.292.000)	3.700.707.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	92.550.000	28.205.689
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	(76.288.756.000)	(26.406.886.672)
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	20.354.500.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	10.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.000.000.000)	(2.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7431.177.000)	(3.648.205.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(15.431.177.000)	24.706.294.900
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(1.196.521.613)	3.764.704.413
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.278.476.602	1.513.772.189
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	4.081.954.989	5.278.476.602

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2007

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGÔ NGỌC THU NHAN

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH - NHÂN SỰ

NGUYỄN THỊ TÂM TRINH

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN TẤN PHÚC



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác
Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm

Mẫu số B 09 - DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng - Kỹ thuật Biển là doanh nghiệp hoạt động độc lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002981 ngày 23 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần 1 vào ngày 09 tháng 06 năm 2005, đăng ký thay đổi lần 02 vào ngày 09 tháng 03 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần 03 vào ngày 29 tháng 12 năm 2007.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002981 được thay đổi lần 03 vào ngày 29 tháng 12 năm 2007 của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư, vốn điều lệ của Công ty là 51 tỷ đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 92 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh phía Bắc của Công ty đặt tại Nhà số 21 Tập thể Bệnh viện Nội Tiết, đường Láng Hạ - Thanh Xuân kéo dài, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội.

I.2. Lĩnh vực kinh doanh : Tư vấn

I.3. Ngành nghề kinh doanh

- Khảo sát và tư vấn công trình cảng - kỹ thuật biển, công trình thủy công trong xưởng đóng tàu.
- Khảo sát mạng lưới giao thông vận tải thủy.
- Khảo sát và tư vấn các hạng mục hạ tầng cơ sở liên quan đến các công trình cảng - kỹ thuật biển, công trình thủy công trong xưởng đóng tàu.
- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm định các công trình chuyên ngành.
- Xây dựng thực nghiệm các công trình giao thông vận tải.
- Thiết kế các công trình giao thông (cảng, đường thủy).
- Thiết kế các công trình thủy.
- Thiết kế các công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông).
- Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị.
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

II. 1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

II. 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VNĐ)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

III.1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam

III. 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các báo cáo Tài chính của Công ty được lập theo chế độ kế toán Việt Nam và hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành. Vì vậy, việc sử dụng Báo cáo tài chính này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam.

III. 3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

*Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác
Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm*

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

IV. 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:

Nguyên tắc xác định các khoản tiền: là tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Cuối kỳ, các khoản mục có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

IV. 2. Phương pháp lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Việc lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 13/2006/TT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2006.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án... thì Công ty dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

IV. 3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Nguyên tắc ghi nhận

TSCĐ được xác định theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi TSCĐ được nhượng bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Phương pháp khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài Chính, cụ thể như sau:

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác
Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm

TSCĐ hữu hình

Nhà cửa, vật kiến trúc
Máy móc, thiết bị
Phương tiện vận tải, truyền dẫn
Thiết bị, dụng cụ quản lý
Tài sản cố định khác

Thời gian

6 - 25 năm
3 - 10 năm
6 - 8 năm
3 - 5 năm
- năm

TSCĐ vô hình

Quyền sử dụng đất
Phần mềm máy tính

Thời gian

vô thời hạn
3 - 6 năm

IV. 4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ khi được vốn hoá.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

IV. 5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

IV. 5a Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được xác định theo giá trị ban đầu trừ đi (-) giá trị phân bổ lũy kế.

IV. 5b Phương pháp phân bổ chi trả trước

Việc phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí.

Chi phí

Chi phí thuê mặt bằng, nhà văn phòng, đất
Chi phí sửa chữa
Quảng cáo

Thời gian

2 - 10 năm
2 năm
2 năm

IV. 6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

IV. 7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

IV. 7a Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Là khoản tiền hoặc tài sản do các cổ đông góp cổ phần tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần

Là phần chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu

Là vốn bổ sung từ lợi nhuận sau thuế hoặc được tặng, biếu, viện trợ, nhưng chưa tính cho từng cổ đông.

V. 7b Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối thể hiện kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác
Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm

IV. 8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

IV. 8a Doanh thu cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời bốn (04) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán. Doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ và được khách hàng xác nhận.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

IV. 8b Doanh thu hoạt động tài chính

Bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.

IV. 9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

IV. 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 28%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Căn cứ QĐ số 3203/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 10 năm 2004 về việc chuyển Công ty thành công ty cổ phần, căn cứ điểm 2.a điều 33 và điểm 2 điều 36 tại Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 quy định chi tiết về thi hành luật thuế TNDN, Công ty sẽ được miễn thuế trong hai năm 2005, 2006 và giảm 50% cho 3 năm tiếp theo (2007, 2008, 2009).

Các tờ khai thuế của Công ty vẫn còn tùy thuộc kết quả kiểm tra của các Cơ quan Thuế. Do việc áp dụng các luật lệ, quy định về thuế đối với nhiều loại hình giao dịch còn tùy thuộc vào các hướng dẫn khác nhau nên số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được điều chỉnh căn cứ kết quả quyết toán của Cơ quan Thuế.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

V. 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền mặt
- Tiền gửi ngân hàng
- Tiền đang chuyển

31/12/2007	31/12/2006
278.742.346	1.282.035.594
3.803.212.643	3.996.441.008
-	-
4.081.954.989	5.278.476.602

31/12/2007	31/12/2006
55.159.250.000 (*)	-
-	-
55.159.250.000	-

V. 2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

- Đầu tư ngắn hạn
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn

(*) Đây là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác
Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm

V. 3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2007	31/12/2006
- Phải thu khách hàng	3.261.579.446	283.309.874
- Trả trước cho người bán	2.802.604.225	1.894.452.599
- Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-
- Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	-	-
- Các khoản phải thu khác	15.483.976.572 (*)	432.889.060
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-
CỘNG	21.548.160.243	2.610.651.533

(*) Trong đó bao gồm:

	SỐ TIỀN
- Tạm chi cổ tức	-
- Kinh phí điều hành Ban Quản lý dự án đường thủy	300.000.000
- Chi tiền cho các cổ đông vay vốn	14.871.505.300
- Phải thu khác	312.471.272
CỘNG	15.483.976.572

V. 4 Hàng tồn kho

	31/12/2007	31/12/2006
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.509.583.718	19.524.590.819
CỘNG	12.509.593.718	19.524.590.819

V. 5. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2007	31/12/2006
- Chi phí trả trước ngắn hạn	206.891.882	258.653.855
- Thuế GTGT được khấu trừ	166.503.647	82.652.402
- Thuế & các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-
- Tài sản ngắn hạn khác	9.290.830.410 (*)	9.386.994.421
CỘNG	9.664.225.939	9.728.300.678

(*) Đây là chi phí tạm ứng cho cán bộ công nhân viên thực hiện hợp đồng

V. 6. Các khoản phải thu dài hạn

	31/12/2007	31/12/2006
- Phải thu dài hạn của khách hàng	7.056.110.180 (*)	7.056.110.180
- Phải thu dài hạn khác	-	-
CỘNG	7.056.110.180	7.056.110.180

(*) Theo "Hồ sơ xác nhận giá trị sản lượng đã thực hiện đến ngày 31 tháng 12 năm 2004 của các hợp đồng kinh tế từ ngày 31 tháng 12 năm 2004 trở về trước" được ký giữa Công ty và Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải Phía Nam (Tedi South), đây là số chênh lệch giữa giá trị thực hiện hoàn thành của Công ty và Tổng giá trị đã được Tedi South tạm ứng đến ngày 31 tháng 12 năm 2004.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác
Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm

V. 7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Số dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư cuối năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-	-
Máy móc thiết bị	12.703.038.067	2.997.132.285	102.154.790	15.598.015.562
Phương tiện vận tải	2.867.160.578	2.362.063.323	420.981.818	4.808.242.083
Thiết bị văn phòng	-	-	-	-
TSCĐ hữu hình khác	-	-	-	-
CỘNG	15.570.198.645	5.359.195.608	523.136.608	20.406.257.645
Hao mòn lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-	-
Máy móc thiết bị	4.395.437.550	2.409.402.260	-	6.804.839.810
Phương tiện vận tải	959.471.559	504.199.819	105.245.456	1.358.425.922
Thiết bị văn phòng	-	-	-	-
TSCĐ hữu hình khác	-	-	-	-
CỘNG	5.354.909.109	2.913.602.079	105.245.456	8.163.265.732
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-	-
Máy móc thiết bị	8.307.600.517	-	-	8.793.175.752
Phương tiện vận tải	1.907.689.019	-	-	3.449.816.161
Thiết bị văn phòng	-	-	-	-
TSCĐ hữu hình khác	-	-	-	-
CỘNG	10.215.289.536			12.242.991.913

V. 8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Số dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư cuối năm
Quyền sử dụng đất	2.476.200.000	-	-	2.476.200.000
Phần mềm máy vi tính	2.163.091.287	308.890.000	-	2.471.981.287
CỘNG	4.639.291.287	308.890.000	-	4.948.181.287
Hao mòn lũy kế				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Phần mềm máy vi tính	211.713.582	312.782.010	-	524.495.592
CỘNG	211.713.582	312.782.010	-	524.495.592
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	2.476.200.000	-	-	2.476.200.000
Phần mềm máy vi tính	1.951.377.705	-	-	1.947.485.695
CỘNG	4.427.577.705			4.423.685.695

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác
Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm

V. 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2007	31/12/2006
- Công trình xây dựng cơ bản		
Căn nhà số 328 đường Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 2, Quận Tân Bình, TP HCM	13.276.710.000	13.239.300.000
CỘNG	13.276.710.000	13.239.300.000

V. 10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2007	31/12/2006
- Đầu tư vào Công ty con	1.466.292.000 (*)	255.000.000
- Đầu tư dài hạn khác - Cổ phiếu	3.445.707.000 (**)	3.445.707.000
	4.911.999.000	3.700.707.000

(*) Bao gồm đầu tư vào các công ty sau:

	TỶ LỆ GÓP VỐN	SỐ TIỀN
- Công ty CP Tư vấn Đầu tư Phước Chánh	70%	248.292.000
- Công ty TNHH Địa kỹ thuật & Giao thông Anh Vũ	51%	408.000.000
- Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Tin học X.C.O.M	70%	780.000.000
- Công ty TNHH Tư vấn Truyền thông Toàn cầu	51%	30.000.000
		1.466.292.000

(**) Đây là khoản đầu tư mua cổ phiếu Công ty Tư vấn Xây dựng Cảng - Đường thủy với 181.353 cổ phiếu với giá mua là 19.000 VNĐ/CP, tương đương 21,1% tổng số cổ phần phát hành lần đầu.

V. 11. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2007	31/12/2006
Số dư đầu năm	461.591.988	5.007.205.789
Tăng trong năm	429.458.904	247.729.319
Đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	432.865.674	4.793.343.120
Giảm khác	-	-
Số dư cuối năm	458.185.218	461.591.988

V. 12. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2007	31/12/2006
- Vay ngắn hạn	-	8.000.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
	-	8.000.000.000

V. 13. Phải trả người bán và người mua tiền trước

	31/12/2007	31/12/2006
- Phải trả người bán	588.120.759	718.805.710
- Người mua trả tiền trước	54.504.885.098	25.973.808.137
	55.093.005.857	26.692.613.847

V. 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2007	31/12/2006
- Thuế giá trị gia tăng	4.314.452.170	1.413.160.787
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.940.848.422	-
- Thuế thu nhập cá nhân	2.959.866.666	1.008.421.010
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-
- Các loại thuế khác	9.390.000	9390.000
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
	14.224.557.257	2.430.971.797

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác
Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm

Mẫu số B 09 - DN

V. 15. Chi phí phải trả

	31/12/2007	31/12/2006
Chi phí phải trả thuê phụ	294.441.809	589.429.082
CỘNG	294.441.809	589.429.082

V. 16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2007	31/12/2006
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	-	-
Bảo hiểm xã hội	244.567.716	805.082.482
Bảo hiểm y tế	37.901.663	131.363.774
Phải trả về cổ phần hóa	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Doanh thu chưa thực hiện	-	-
Phải trả, phải nộp khác	1.467.987.015	633.180.000
CỘNG	1.750.456.394	1.569.626.256

V. 17. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2007	31/12/2006
Giá trị hoàn thành ngày 31/12/2004	7.056.110.180 (*)	7.056.110.180
Khác	728.672.488	279.851.490
CỘNG	7.784.782.668	7.335.961.670

(*) Tương tự như các khoản phải thu dài hạn khác, đây cũng là các khoản công nợ với Tedi South, xuất phát từ tiền thân của Công ty là Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Cảng - Kỹ thuật Biển trực thuộc Tedi South.

V. 18. Vốn chủ sở hữu

V. 18a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
01/01/06	7.660.000.000	400.293.704	8.060.293.704
- Tăng vốn trong năm trước	17.840.000.000	-	17.840.000.000
- Lãi trong năm trước	-	7.201.269.088	7.201.269.088
- Phân phối quỹ KT PL	-	540.000.000	540.000.000
- Chi cổ tức trong năm	-	3.648.205.100	3.648.205.100
- Giảm khác	-	601.050.000	601.050.000
31/12/06	25.500.000.000	2.812.307.692	28.312.307.692
01/01/07	25.500.000.000	2.812.307.692	28.312.307.692
- Tăng vốn trong năm nay	25.500.000.000	-	25.500.000.000
- Lãi trong năm nay	-	46.250.866.672	46.250.866.672
- Phân phối quỹ	-	10.560.000.000	10.560.000.000
- Chi cổ tức trong năm	-	33.642.162.000	33.642.162.000
- Giảm khác	-	49.180.000	49.180.000
31/12/07	51.000.000.000	4.811.832.364	55.811.832.364

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác
Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm

V. 18b Chi tiết góp vốn đến ngày 31/12/2007 như sau:	31/12/2007	31/12/2006
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn đầu tư của Nhà nước	-	2.300.100.000
- Vốn góp của cổ đông khác	51.000.000.000	23.199.900.000
- Thặng dư vốn cổ phần	-	-
- Cổ phiếu ngân quỹ	-	-
CỘNG	51.000.000.000	25.500.000.000

V. 18c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu	Năm 2007	Năm 2006
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	25.500.000.000	7.660.000.000
+ Tăng trong năm	25.500.000.000	17.840.000.000
+ Giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	51.000.000.000	25.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	33.642.162.000 (*)	3.648.205.100

(*) Căn cứ vào quyết định số 1442/ CKTB - HĐQT ngày 15 tháng 12 năm 2007 của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc chi cổ tức 2007 theo tỷ lệ 130% với tổng giá trị vốn góp của cổ đông là 25.500.000.000 VNĐ. Trong đó chi trả bằng cổ phần với mức cổ tức 100% để tăng vốn điều lệ (tương đương 25.500.000.000 VNĐ) và chi trả bằng tiền với mức cổ tức 30%.

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu) 100.000

V. 18e Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2007	31/12/2006
- Quỹ đầu tư phát triển	2.310.000.000	-
- Quỹ dự phòng tài chính	1.510.000.000	160.000.000
- Quỹ khác	-	-
Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	3.820.000.000	160.000.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	5.351.117.270	380.000.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

VI. 1. Doanh thu bán hàng	Năm 2007	Năm 2006
Doanh thu cung cấp dịch vụ	115.055.134.256	34.891.637.430
Tổng doanh thu bán hàng	CỘNG 115.055.134.256	34.891.637.430

VI. 2. Giá vốn hàng bán	Năm 2007	Năm 2006
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	52.856.897.970	18.736.352.633
CỘNG	52.856.897.970	18.736.352.633

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác
Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm

VI. 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2007	Năm 2006
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	212.498.222	28.205.689
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	42.433.825
Khác	-	-
CỘNG	212.498.222	70.639.514

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2007

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH - NHÂN SỰ

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGÔ NGỌC THU NHAN

NGUYỄN THỊ TÂM TRINH

TRẦN TẤN PHÚC



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN (AFC)
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING LIMITED COMPANY (AFC)
Thành Viên Tập Đoàn Kiểm Toán BOD Toàn Cầu
A Member Firm Of BDO Global Coordination

